

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản lý nhà nước
Tên tiếng Anh:	State Management
Mã ngành:	7310205
Hình thức đào tạo:	Chính quy



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2094 /QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 7 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Quản lý nhà nước
Mã ngành: 7310205
Tên tiếng Anh: State Management
Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình Cử nhân Quản lý nhà nước được thiết kế theo định hướng giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (OBE), nhằm trang bị cho người học hệ thống tri thức vững chắc, kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu và phẩm chất đạo đức công vụ để có thể làm việc hiệu quả trong môi trường hành chính nhà nước và các tổ chức ngoài nhà nước.

Chương trình hướng đến việc hình thành tư duy đổi mới, năng lực tự học, khả năng thích ứng với môi trường hành chính hiện đại và bối cảnh hội nhập quốc tế. Chương trình gồm 135 tín chỉ, phân bổ theo các khối kiến thức: Giáo dục đại cương (17,8%); Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành (23,7%); Kiến thức ngành và chuyên ngành (29,7%); Kiến thức bổ trợ (20%); Thực tập, Thực tế (4,4%); Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế (4,4%). Sinh viên tốt nghiệp đạt được 8 chuẩn đầu ra (PLOs), đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sẵn sàng đảm nhận vai trò trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội và doanh nghiệp.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Quản lý nhà nước
2. Mã ngành đào tạo	7310205
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân



5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	135
7. Khoa quản lý	Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	04 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Quy chế tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn
11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Đã hoàn thành các học phần giáo dục thể chất và có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh; - Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin theo quy định của Nhà trường
13. Vị trí việc làm	- Làm việc trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, Tòa án nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp. - Làm việc trong các cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước các cấp (các sở, ban, ngành, phòng...). - Công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội . - Nghiên cứu viên ở các cơ sở nghiên cứu, các cơ quan tham mưu hoạch định chiến lược, chính sách của Đảng và Nhà nước. - Làm công tác giảng dạy về khoa học quản lý, khoa học hành chính ở các trường cao đẳng, đại học, các trường chính trị các tỉnh, thành phố, các trung tâm và viện nghiên cứu. - Làm quản lý, chuyên viên hành chính tại các doanh nghiệp, các tổ chức thuộc khu vực tư.
14. Học tập nâng cao trình độ	Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tiếp tục học cao học, nghiên cứu sinh các chuyên ngành: quản lý công, quản lý kinh tế, quản lý giáo dục,

	chính trị học,...
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	1. Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên Truyền. 2. Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước Học viện Hành chính quốc gia. 3. Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước của Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 6/2025

1.3. Sứ mệnh - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục

Trường Đại học Quy Nhơn đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, theo Quyết định số 155/QĐCEA.UD ngày 06/6/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng

1.3.1. Sứ mệnh Tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn

Sứ mệnh:

Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ – Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là Trường Đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi:

Trách nhiệm – Chuyên nghiệp – Chất lượng – Sáng tạo – Nhân văn

1.3.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp

Toàn diện: Đào tạo người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực.

Khai phóng: Phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; giúp người học chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời.

Thực nghiệp: Đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; giúp người học thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước

Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước			Triết lý giáo dục của ĐHQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần KHXH/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học		x	
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết	x	x	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành	x		
	Khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần lý thuyết	x	x	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành	x		x
		Các học phần thực tập, thực tế	x		x
Hoạt động ngoại khóa	Khóa luận/đồ án tốt nghiệp				x
	Nghiên cứu khoa học sinh viên		x		x
	Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng,		x		x
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)		x		
	Hiến máu nhân đạo		x		
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Áp dụng kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, hành chính, kinh tế và xã hội vào lĩnh vực quản lý nhà nước.	x	x	
	PLO2	Áp dụng kiến thức quản lý nhà nước trong một lĩnh vực cụ thể để giải quyết vấn đề thực tiễn.	x	x	x

	PLO3	Thực hiện được các kỹ năng phân tích, đánh giá chính sách công; lãnh đạo, quản lý; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án công.	x		x
	PLO4	Giải quyết các vấn đề quản lý nhà nước theo nguyên tắc pháp quyền, minh bạch, trách nhiệm giải trình và đạo đức công vụ.	x		x
	PLO5	Thực hiện hiệu quả kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tổ chức và điều phối công việc trong môi trường tổ chức nhà nước và ngoài nhà nước.	x		x
	PLO6	Ứng dụng công nghệ thông tin và các công cụ số trong quản lý và cung cấp dịch vụ công.	x		x
	PLO7	Thể hiện năng lực tự học và chủ động thích ứng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc công việc.		x	x
	PLO8	Thể hiện tư duy đổi mới sáng tạo và khả năng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quản lý nhà nước.	x	x	x

1.3.3. Sứ mệnh, tầm nhìn của Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước

Sứ mệnh:

Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước, Trường Đại học Quy Nhơn có sứ mệnh thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng về các lĩnh vực lý luận chính trị, pháp luật và quản lý nhà nước nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu xã hội.

Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý nhà nước, Trường Đại học Quy Nhơn trở thành đơn vị đào tạo theo định hướng ứng dụng có chất lượng, uy tín trong nước.

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước nhằm đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức chuyên môn vững vàng, kỹ năng thực hành nghề nghiệp hiệu quả, phẩm chất đạo đức và tư duy đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp, người học:

PO1: Có kiến thức vững chắc về chính trị, pháp luật, hành chính, kinh tế – xã hội để vận dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước và các hoạt động có liên quan trong xã hội.

PO2: Phát triển năng lực phân tích, xây dựng, thực hiện và đánh giá chính sách công; tổ chức và quản lý hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước và tổ chức ngoài nhà nước.

PO3: Hình thành kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu như giao tiếp hành chính, làm việc nhóm, quản lý dự án, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ công và vận hành tổ chức, doanh nghiệp.

PO4: Thể hiện tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực công vụ, phục vụ lợi ích của xã hội và nhân dân.

PO5: Hình thành tư duy đổi mới sáng tạo, năng lực học tập suốt đời và khả năng thích ứng với môi trường hành chính hiện đại và bối cảnh hội nhập quốc tế.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
	1	2	3	4	5	6	7	8
PO1	x	x						x
PO2		x	x					x
PO3			x	x	x			
PO4				x	x	x	x	
PO5	x							x

1.5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Các phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước gồm nhiều hoạt động dạy và học khác nhau nhằm giúp người học không những có kiến thức nền tảng chuyên môn và kiến thức xã hội mà còn có khả năng áp dụng các



kiến thức này để cộng tác với người khác từ đó hình thành các kỹ năng cá nhân như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Cụ thể:

- Dạy học trực tiếp:

Dạy học trực tiếp là phương pháp dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Phương pháp dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và hiệu quả khi giảng viên muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy được áp dụng gồm: Thuyết giảng, Tham luận, Đàm thoại (Hỏi đáp), Nêu vấn đề, Phương pháp mô phỏng, Hướng dẫn thực hành.

- Dạy học gián tiếp:

Dạy học gián tiếp là phương pháp dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với người học mà thay vào đó, người học được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp giảng dạy được áp dụng gồm: Học tập dựa trên tình huống, Học tập dựa trên vấn đề, Câu hỏi gợi mở, Bài tập, Thảo luận, Dự án.

- Học trải nghiệm:

Học trải nghiệm là phương pháp dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm. Các phương pháp giảng dạy được áp dụng gồm: Học tập trải nghiệm, Thực tập, Thực tế, Mô phỏng, Thực hành.

- Dạy học tương tác:

Dạy học tương tác là phương pháp dạy học trong đó người học sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu người học thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn người học từng bước giải quyết vấn đề từ đó giúp người học đạt được mục tiêu dạy học. Người học có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định. Các phương pháp giảng dạy được áp dụng gồm: Bài giảng tương tác, Học tập trực tuyến, Tranh luận/Tranh biện, Bài tập nhóm.

- Tự học:



Tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp người học tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp. Phương pháp học theo chiến lược này chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà, Học tập tự định hướng.

Sự tương thích giữa phương pháp giảng dạy - học tập và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Đánh giá quá trình								
1. Kiểm tra nhanh	x	x		x	x	x	x	x
2. Bài tập về nhà	x	x		x		x	x	x
3. Thảo luận	x	x	x	x	x		x	x
4. Bài tập kỹ năng	x	x	x	x		x	x	x
5. Vấn đáp	x	x	x	x		x	x	
6. Tự luận	x	x	x		x	x	x	x
7. Thực hành	x	x		x	x	x	x	
8. Thuyết trình	x	x	x			x	x	x
9. Bài tập nhóm	x	x	x	x	x		x	x
10. Trắc nghiệm khách quan	x	x			x	x		x
II. Đánh giá tổng kết								
11. Tự luận (đề đóng hoặc mở)	x	x	x		x	x	x	x
12. Trắc nghiệm khách quan	x	x				x		
13. Bài tập kỹ năng	x	x	x	x		x	x	
14. Vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x
15. Tiểu luận	x	x		x	x	x	x	x
16. Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x
17. Báo cáo (nội dung viết và vấn đáp)	x	x	x	x	x	x	x	x
18. Bài tập nhóm	x	x	x	x	x		x	x



- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

+ *Chú trọng sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực người học, phát huy tối đa tính tích cực, sáng tạo, chủ động của sinh viên:*

Để thực hiện được điều này, giảng viên cần phải chú trọng phát huy các chức năng tâm lý, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo thông qua việc tạo điều kiện cho sinh viên được thảo luận, trình bày các quan điểm, tư duy về các vấn đề liên quan đến học phần giảng dạy; phối hợp các phương pháp giảng dạy khác nhau một cách hợp lý phù hợp với từng đối tượng người học và bối cảnh cụ thể, từ đó giúp người học chủ động tự tổ chức nghiên cứu, học tập; tích cực tìm hiểu, khám phá, lĩnh hội những tri thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của học phần.

+ *Sử dụng tối ưu cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy, học tập:*

Nhà trường cần có kế hoạch đầu tư và sử dụng hiệu quả các cơ sở vật chất, phương tiện, tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập của giảng viên và sinh viên; Tăng cường và mở rộng sự hợp tác giữa nhà trường với các cơ sở sản xuất, các viện, trường đại học, các tổ chức, cá nhân,...trong và ngoài nước để tạo điều kiện thuận lợi, vận động cho việc xây dựng, ứng dụng và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ mới, hiện đại, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

+ *Chuẩn bị của giảng viên:*

Giáo viên cần chuẩn bị tài liệu giảng dạy, tài liệu hướng dẫn học tập, dụng cụ dạy học (nếu cần). Đối với dạy học trực tuyến, cần xác định phương tiện tổ chức các hoạt động dạy và học bao gồm: giáo trình, tài liệu tham khảo, học liệu điện tử, học liệu bổ trợ, phòng thí nghiệm, phòng máy tính, LMS, ...

1.5.2. Phương pháp đánh giá

*** Thang điểm đánh giá:**

Thang điểm đánh giá	Thang điểm 10: Gồm các số từ 0 đến 10 (với một số lẻ thập phân) được sử dụng để đánh giá và ghi điểm đánh giá quá trình, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần.
	Thang điểm chữ: Dùng để xếp loại học phần theo một cách khác tương ứng với điểm học phần trong thang điểm 10.
	Thang điểm 4: Dùng để tính điểm trung bình chung học kỳ, trung bình chung tích lũy, để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ, giai đoạn và xếp loại tốt nghiệp.

Quy tắc quy đổi giữa các thang điểm

Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Kết quả
9 - 10	A+	4	Đạt



8 - 8,9	A	3,5	
7 - 7,9	B+	3	
6 - 6,9	B	2,5	
5 - 5,9	C	2	
4 - 4,9	D	1,5	
0 - 3,9	F	0	Không đạt

*** Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

Đánh giá và tính điểm học phần			
1. Đối với các học phần lý thuyết hoặc lý thuyết và thực hành	Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) gồm hai thành phần điểm đánh giá quá trình học tập và điểm thi kết thúc học phần	Điểm đánh giá quá trình học tập: Có trọng số 30%, 40% hoặc 50% điểm học phần. Điểm thi kết thúc học phần: Có trọng số 70%, 60% hoặc 50% điểm học phần.	Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần
2. Đối với các học phần chỉ có thí nghiệm, thực hành	Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.		
3. Đối với học phần đặc thù như thực tập, thực tế, đề án môn học, đồ án môn học	Khoa quản lý học phần đề xuất việc đánh giá học phần, Hiệu trưởng quyết định.		
4. Đánh giá đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	- Đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp được thực hiện bởi hội đồng do Hiệu trưởng quyết định thành lập. - Số thành viên của hội đồng gồm 03 người: Chủ tịch, ủy	Điểm đánh giá khóa luận, đồ án tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm thành phần của các thành viên hội đồng và người hướng dẫn ([Điểm người hướng dẫn + Điểm các thành viên hội đồng (3 cột điểm)]/4). Điểm thành phần được chấm theo thang điểm 10 lấy đến một chữ số thập phân, điểm đánh giá khóa luận, đồ án tốt	

	viên phản biện và thư ký (người hướng dẫn không tham gia hội đồng). Hội đồng tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp khi có đầy đủ các thành viên.	nghiệp tính theo thang điểm 10 làm tròn lấy một chữ số thập phân và được quy đổi theo thang điểm chữ
--	---	--

* Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước được chia thành 2 loại chính: Đánh giá quá trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Sự tương thích giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Đánh giá quá trình								
1. Kiểm tra nhanh	x	x		x	x	x	x	x
2. Bài tập về nhà	x	x		x		x	x	x
3. Thảo luận	x	x	x	x	x		x	x
4. Bài tập kỹ năng	x	x	x	x		x	x	
5. Vấn đáp	x	x	x	x		x	x	
6. Tự luận	x	x				x	x	x
7. Thực hành	x	x		x	x	x	x	
8. Thuyết trình	x	x	x			x	x	x
9. Bài tập nhóm	x	x	x	x	x		x	x
10. Trắc nghiệm khách quan	x	x			x	x		
II. Đánh giá tổng kết								
11. Tự luận (đề đóng hoặc mở)	x	x				x	x	x
12. Trắc nghiệm khách quan	x	x				x		
13. Bài tập kỹ năng	x	x	x	x		x	x	
14. Vấn đáp	x	x	x	x		x	x	x



15. Tiểu luận	x	x		x		x	x	x
16. Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x
17. Báo cáo (nội dung viết và vấn đáp)	x	x	x	x		x	x	x
18. Bài tập nhóm	x	x	x	x	x		x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Gồm 135 tín chỉ (chưa bao gồm 03 tín chỉ GDTC và 09 tín chỉ GDQP-AN), cụ thể:

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	24
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111
- Kiến thức khối ngành và cơ sở ngành	32
- Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	40
- Kiến thức bổ trợ	27
- Thực tập, thực tế	6
- Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6
Tổng	135

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 10 học phần (chưa bao gồm học phần GDTC và học phần GDQP-AN)

+ Hiểu những kiến thức cơ bản, hệ thống của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm hình thành thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng, trang bị những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục tư tưởng - chính trị, bồi dưỡng niềm tin, lí tưởng cho sinh viên.

+ Hiểu những kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương để sinh viên thích ứng những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật, những nội dung cơ bản của các ngành luật gốc như Hiến pháp, Hành chính, Dân sự, Hình sự,... trong hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó giúp người học nâng cao sự hiểu biết về vai trò và sự quan trọng của Nhà nước và pháp luật trong đời sống, để luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật nhà nước, có ý thức đầy đủ về bổn phận và nghĩa vụ của một công dân đối với quốc gia, biết áp dụng pháp luật trong cuộc sống làm việc của mình, nhất là đối với người học trong các ngành học thuộc khoa học xã hội.

+ Hiểu và áp dụng những kiến thức ngoại ngữ vào trong hoạt động giao tiếp công vụ trong điều kiện hội nhập quốc tế.



+ Hiểu và áp dụng những kiến thức cơ bản về khởi tạo doanh nghiệp; hình thành, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh và tổ chức thực hiện khởi nghiệp kinh doanh. Từ đó sinh viên có thể nhìn thấy những thách thức và cơ hội, có niềm tin và động lực để giải quyết những khó khăn, tạo lập sự nghiệp của mình.

+ Hiểu và áp dụng kỹ năng giao tiếp nói chung nhằm làm cơ sở rèn luyện các kỹ năng của chuyên ngành.

- *Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 65 học phần (gồm những học phần tự chọn và học phần thay thế tốt nghiệp)*

+ Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn nhằm tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành.

+ Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về Hiến pháp và một số luật đang ban hành hiện nay làm cơ sở để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành như: Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước; Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Pháp luật hình sự và Tổ tụng hình sự; Pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự.

+ Hiểu và phân tích được những kiến thức chung về khoa học quản lý để vận dụng, triển khai trong thực tế những hoạt động quản lý nhà nước đảm bảo tính khoa học, tính hệ thống.

+ Hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản và thực tiễn về lý luận hành chính nhà nước như: quản lý và phát triển tổ chức hành chính nhà nước; nhân sự hành chính nhà nước; hành chính học so sánh, các phương pháp, hình thức cơ bản được sử dụng trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước và các hoạt động có liên quan trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

+ Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản và thực tiễn về nội dung, thẩm quyền, trách nhiệm, bộ máy cơ quan nhà nước, công cụ, phương pháp của quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

+ Lập kế hoạch quản lý, điều hành hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực như: kinh tế, văn hóa, xã hội, nguồn nhân lực xã hội, đô thị, nông nghiệp và nông thôn, giáo dục đào tạo, khoa học-công nghệ, đất đai, tài nguyên, môi trường, an ninh, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, đối ngoại,...

+ Lập kế hoạch tổ chức giám sát hoạt động quản lý nhà nước trong một lĩnh vực cụ thể như: kinh tế, văn hóa, xã hội, nguồn nhân lực xã hội, đô thị, nông nghiệp và nông thôn, giáo dục đào tạo, khoa học - công nghệ, đất đai, tài nguyên, môi trường, an ninh, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, đối ngoại,...

+ Hiểu và áp dụng kiến thức công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc trong



hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số TC	Tỉ lệ %	PLOs							
				1	2	3	4	5	6	7	8
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	17,8%								
1.1	Khoa học chính trị và pháp luật	13	9,6%	M		L				M	M
1.2	Ngoại ngữ	07	5,2%				L			L	
1.3	KHXX/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	04	3%				M		H	M	L
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111	82,2%								
2.1	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	32	23,7%	M	M	M	M	M	L	L	M
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	40	29,7%	M	H	M			M	H	M
2.3	Kiến thức bổ trợ	27	20%				H		M		H
2.4	Thực tập, thực tế	06	4,4%	H	H	H	H		H		H
2.5	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	06	4,4%	H	H	M	H	H	H	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương				24	(chưa bao gồm 3 tín chỉ GDTC và 9 tín chỉ GDQP-AN)								
I.1. Khoa học chính trị và pháp luật				13									
1	1130299	Triết học Mác-Lênin	1	3	40		10			95		LLCT-Luật và QLNN	
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	27		6			62	1130299	LLCT-Luật và QLNN	
3	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6			62	1130300	LLCT-Luật và QLNN	
4	1130302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4	2	27		6			62	1130301	LLCT-Luật và QLNN	
5	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6			62	1130302	LLCT-Luật và QLNN	
6	1130049	Pháp luật đại cương	1	2	27		6			62		LLCT-Luật và QLNN	
I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-AN				ĐK									
I.2.1. Giáo dục thể chất: Chọn 1 trong 7 nhóm GDTC				3									
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)(*)	1	1	4			26		15		GDTC	
8	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)(*)	2	1	4			26		15	1120172	GDTC	
9	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)(*)	3	1	4			26		15	1120173	GDTC	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)(*)	1	1	4			26		15		GDTC	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)(*)	2	1	4			26		15	1120175	GDTC	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)(*)	3	1	4			26		15	1120176	GDTC	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)(*)	1	1	4			26		15		GDTC	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)(*)	2	1	4			26		15	1120178	GDTC	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)(*)	3	1	4			26		15	1120179	GDTC	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)(*)	1	1	4			26		15		GDTC	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)(*)	2	1	4			26		15	1120181	GDTC	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)(*)	3	1	4			26		15	1120182	GDTC	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)(*)	1	1	4			26		15		GDTC	

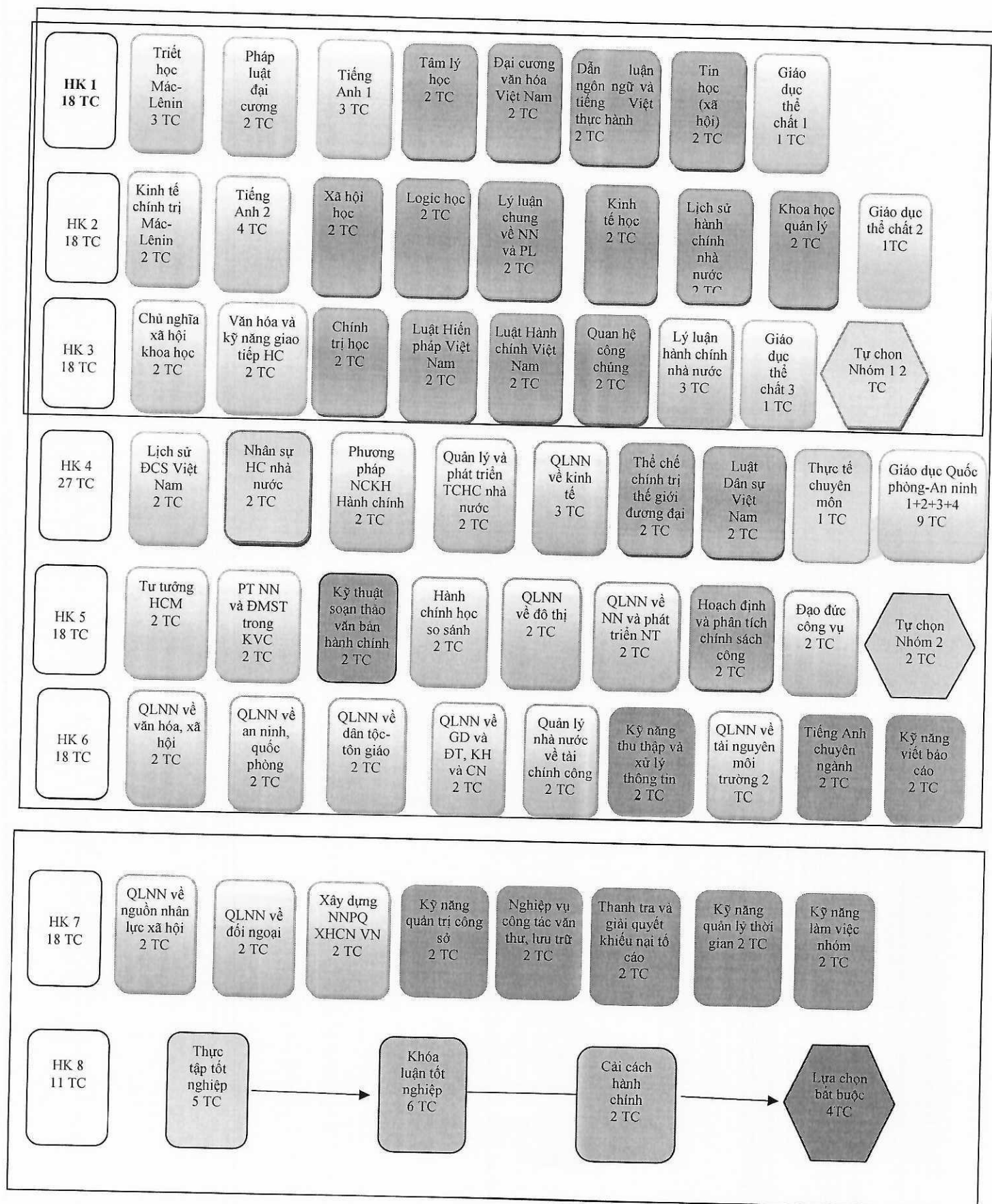
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)(*)	2	1	4				26		15	1120184	GDTC	
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)(*)	3	1	4				26		15	1120185	GDTC	
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)(*)	1	1	4				26		15		GDTC	
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)(*)	2	1	4				26		15	1120187	GDTC	
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)(*)	3	1	4				26		15	1120188	GDTC	
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)(*)	1	1	4				26		15		GDTC	
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)(*)	2	1	4				26		15	1120190	GDTC	
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)(*)	3	1	4				26		15	1120191	GDTC	
28	1120239	Giáo dục thể chất 1 (Pickle ball 1)(*)	1	1	4				26		15		GDTC	
29	1120240	Giáo dục thể chất 2 (Pickle ball 2)(*)	2	1	4				26		15	1120239	GDTC	
30	1120241	Giáo dục thể chất 3 (Pickle ball 3)(*)	3	1	4				26		15	1120240	GDTC	
I.2.2. Giáo dục quốc phòng – An ninh														
31	1120168	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1 (*)	4	3	37			16			82		GDQP&AN	
32	1120169	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2 (*)	4	2	22			16			52		GDQP&AN	
33	1120170	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3 (*)	4	2	14				32		44		GDQP&AN	
34	1120171	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4 (*)	4	2	4				52		36		GDQP&AN	
I.3. Ngoại ngữ														
35	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15					100		Ngoại ngữ	
36	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20					135	1090061	Ngoại ngữ	
I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý														
37	1130392	Văn hóa và kỹ năng giao tiếp hành chính	3	2	26			8			61	1130299	LLCT-Luật và QLNN	
38	1130393	Phát triển nghề nghiệp và đổi mới sáng tạo trong khu vực công	5	2	28			4			63	1130299	LLCT-Luật và QLNN	
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp														
II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành														
39	2030412	Tâm lý học đại cương	2	2	20	8	4				63		KHKH-NV	

40	2010167	Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng Việt thực hành	1	2	22	6	4			63		Sư phạm
41	1050241	Tin học cơ sở	1	3	30			30		85		CNTT
42	2030411	Xã hội học trong quản lý	1	2	20	5	10			60		KHXH-NV
43	1130367	Nhập môn Phát triển bền vững	2	2	27					62		LLCT-Luật và QLNN
44	1130369	Khoa học quản lý	2	2	28					63		LLCT-Luật và QLNN
45	1130033	Lôgic học	2	2	25		10			60	1130299	LLCT-Luật và QLNN
46	1130026	Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam	2	2	30					65	1130299	LLCT-Luật và QLNN
47	1130368	Lý luận nhà nước và pháp luật	2	2	30					65	1130299	LLCT-Luật và QLNN
48	1130021	Kinh tế học	2	2	22	8				65	1130299	LLCT-Luật và QLNN
49	1130394	Luật Hiến pháp Việt Nam	3	2	27	3				65	1130049	LLCT-Luật và QLNN
50	1130395	Chính trị học	3	2	27		6			62	1130299	LLCT-Luật và QLNN
51	1130396	Luật Hành chính Việt Nam	3	3	35	7	6			97	1130049	LLCT-Luật và QLNN
52	1130397	Luật Dân sự Việt Nam	4	2	27	3				65	1130049	LLCT-Luật và QLNN
53	1130398	Thế chế chính trị thế giới đương đại	4	2	30					65	1130395	LLCT-Luật và QLNN
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành			40									
II.2.1. Kiến thức ngành			14									
II.2.1a. Phần bắt buộc												
54	1130399	Lý luận hành chính nhà nước	3	3	45					100	1130368	LLCT-Luật và QLNN
55	1130400	Nhân sự hành chính nhà nước	4	3	40	5				100	1130399	LLCT-Luật và QLNN
56	1130308	Quản lý và phát triển tổ chức hành chính nhà nước	4	2	30					65	1130399	LLCT-Luật và QLNN
57	1130017	Hành chính học so sánh	5	2	30					65	1130399	LLCT-Luật và QLNN
58	1130401	Đạo đức công vụ	5	2	26		8			61	1130399	LLCT-Luật và QLNN
II.2.1b. Phần tự chọn 2TC/8TC												
59	1130402	Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý	3	2	26	4				65	1130369	LLCT-Luật và QLNN
60	1130403	Quản lý công	3	2	26		8			61	1130399	LLCT-Luật và QLNN
61	1130404	Công vụ và quản lý thực thi công vụ	3	2	26	4				65	1130399	LLCT-Luật và QLNN
62	1130405	Chính phủ điện tử và chính phủ số	3	2	26	4				65	1130399	LLCT-Luật và QLNN

II.2.2. Kiến thức chuyên ngành														
II.2.2a. Phần bắt buộc														
63	1130406	Quản lý nhà nước về kinh tế	4	3	42	3						100	1130300	LLCT-Luật và QLNN
64	1130407	Quản lý nhà nước về đô thị	5	2	27		6					62	1130406	LLCT-Luật và QLNN
65	1130408	Quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn	5	2	27		6					62	1130406	LLCT-Luật và QLNN
66	1130409	Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản	6	2	25	2	6					62	1130406	LLCT-Luật và QLNN
67	1130410	Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ	6	2	30							65	1130399	LLCT-Luật và QLNN
68	1130411	Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường	6	2	30							65	1130399	LLCT-Luật và QLNN
69	1130412	Quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng	6	2	28		4					63	1130399	LLCT-Luật và QLNN
70	1130413	Quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo	6	2	28		4					63	1130399	LLCT-Luật và QLNN
71	1130191	Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội	6	2	30							65	1130399	LLCT-Luật và QLNN
72	1130414	Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực xã hội	7	3	45							100	1130399	LLCT-Luật và QLNN
73	1130081	Quản lý nhà nước về đối ngoại	7	2	24	6						65	1130308	LLCT-Luật và QLNN
II.2.2b. Phần tự chọn 2TC/8TC														
74	1130415	Quản lý sự thay đổi	5	2	26	4								
75	1130416	Quản lý, phát triển địa phương	5	2	26	4		☐	☐			62	1130399	LLCT-Luật và QLNN
76	1130417	Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ	5	2	21		18	☐	☐			55	1130399	LLCT-Luật và QLNN
77	1130418	Quản lý chất lượng trong khu vực công	5	2	26	4						65	1130399	LLCT-Luật và QLNN
II.3. Kiến thức bổ trợ														
78	1130419	Quan hệ công chúng	3	2	24	6								
79	1130420	Phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính	4	3	30	12	6					65	1130369	LLCT-Luật và QLNN
80	1130421	Hoạch định và phân tích chính sách công	5	2	26		4	4				97	1130399	LLCT-Luật và QLNN
												61	1130399	LLCT-Luật và QLNN

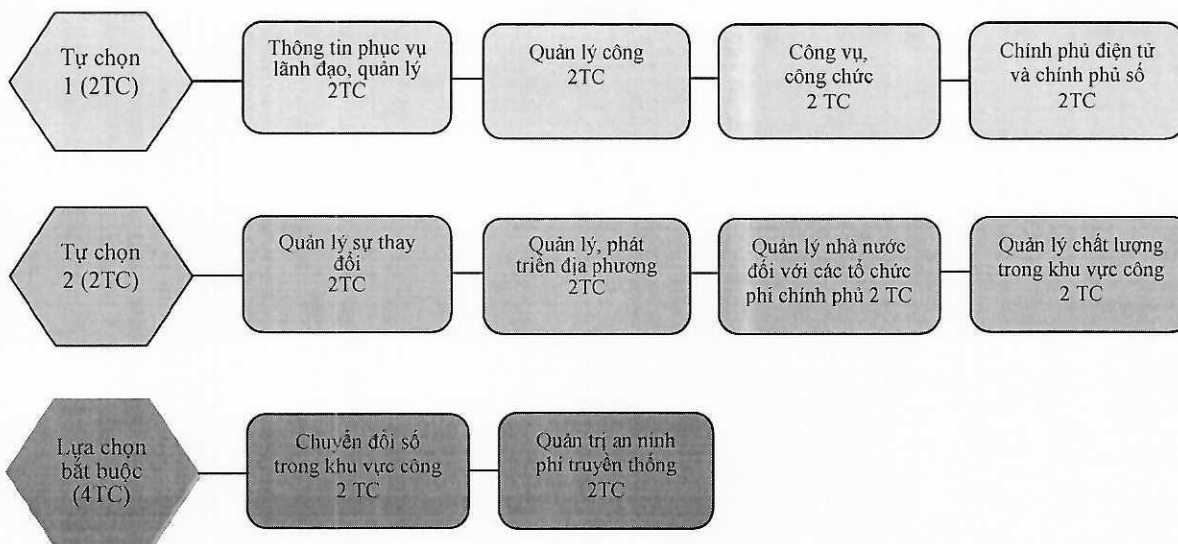
81	1130422	Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính	5	2	24			12		59	1130369	LLCT-Luật và QLNN
82	1130423	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	6	2	20	6	8			61	1130420	LLCT-Luật và QLNN
83	1130424	Kỹ năng viết báo cáo	6	2	20	4	6	6		59	1130422	LLCT-Luật và QLNN
84	1130425	Tiếng Anh chuyên ngành	6	2	20	10					1090166	LLCT-Luật và QLNN
85	1130426	Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	7	2	20	10				65	1130396	LLCT-Luật và QLNN
86	1130333	Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	2	27		6			62	1130395	LLCT-Luật và QLNN
87	1130427	Kỹ năng làm việc nhóm	7	2	18		9	15		53	1130369	LLCT-Luật và QLNN
88	1130428	Nghệ thuật vẽ công tác văn thư, lưu trữ	7	2	25	2	6			62	1130369	LLCT-Luật và QLNN
89	1130429	Kỹ năng quản trị công sở	7	2	21	3		12		59	1130392	LLCT-Luật và QLNN
90	1130430	Kỹ năng quản lý thời gian	7	2	20	4	6	6		59	1130369	LLCT-Luật và QLNN
II.4. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp				6								
91	1130097	Thực tế chuyên môn	4	1					TT		1130399	LLCT-Luật và QLNN
92	1130210	Thực tập tốt nghiệp	8	5		150			TT			
II.5. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế				6								
93	1130090	Khóa luận tốt nghiệp	8	6		180			KL		1130210	LLCT-Luật và QLNN
Học phần thay thế				6								
94	1130431	Cải cách hành chính	8	2	21		18			56	1130210	LLCT-Luật và QLNN
95	1130432	Chuyển đổi số trong khu vực công	8	2	27		6			62	1130210	LLCT-Luật và QLNN
96	1130433	Quản trị an ninh phi truyền thống	8	2	27		6			62	1130210	LLCT-Luật và QLNN
Tổng cộng				135								

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy





Danh sách các học phần tự chọn



Chú thích:

	Khối kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức bổ trợ
	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành		Thực tế, thực tập
	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)		Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế
Tên học phần (x, y)	x: Số tín chỉ lý thuyết y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành		Học phần học trước

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

* Ghi chú: X: tham gia trực tiếp, Y: tham gia gián tiếp; L, M, H: mức độ đóng góp đối với PLO; A: Học phần đánh giá (Assessment) đối với chỉ báo của PLO.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần	PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8	
							1.1	1.2	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2		4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2
1□	1130299	Triết học Mác - Lênin	Kỳ 1	Giáo dục đại cương	3	Bắt buộc		X,M															Y,M		Y,M
2□	1130049	Pháp luật đại cương	Kỳ 1	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc	X,L																	X,L	Y,M
3	2030412	Tâm lý học đại cương	Kỳ 1	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc	X,L													Y,L					
4	2030411	Xã hội học trong quản lý	Kỳ 1	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc	X,L		Y,L											X,L					
5	2010167	Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng Việt thực hành	Kỳ 1	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc									X,M	X,L	X,L			Y,M					
6□	1090061	Tiếng Anh 1	Kỳ 1	Giáo dục đại cương	3	Bắt buộc									X,L					Y,L					
7□	1050241	Tin học cơ sở (xã hội)	Kỳ 1	Cơ sở ngành	3	Bắt buộc												X,M	X,M				Y,M		
8	1130300	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kỳ 2	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc		X,M																	Y,M
9	1090166	Tiếng Anh 2	Kỳ 2	Giáo dục đại cương	4	Bắt buộc									X,L					Y,L					
10	1130367	Nhập môn Phát triển bền vững	Kỳ 2	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc		X,M				Y,M												Y,M	
11	1130033	Lógica học	Kỳ 2	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc	X,L								X,M						Y,M				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần	PLO1		PLO2			PLO3		PLO4			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8	
							1.1	1.2	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2
12	1130368	Lý luận về nhà nước và pháp luật	Kỳ 2	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc		X,M														X,L	Y,M	
13	1130021	Kinh tế học	Kỳ 2	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc		X,M				Y,M												
14	1130026	Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam	Kỳ 2	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc		X,M			X,L									Y,M				
15	1130369	Khoa học quản lý	Kỳ 2	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc						X,M								X,M				
16	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Kỳ 3	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc		X,M															Y,M	
17	1130392	Văn hóa và kỹ năng giao tiếp hành chính	Kỳ 3	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc								X,M								Y,L		
18	1130395	Chính trị học	Kỳ 3	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc		X,M A							Y,M						X,L			
19	1130394	Luật Hiến pháp Việt Nam	Kỳ 3	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc		X,M														X,L	Y,M	
20	1130396	Luật Hành chính Việt Nam	Kỳ 3	Cơ sở ngành	3	Bắt buộc		X,M														X,L	Y,M	
21	1130399	Lý luận hành chính nhà nước	Kỳ 3	Ngành, Chuyên ngành	3	Bắt buộc		X,M A													X,L			
22	1130419	Quan hệ công chúng	Kỳ 3	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc				X,M			X,M						X,L					
23	1130402	Thông tin trong phục vụ lãnh	Kỳ 3	Cơ sở ngành	2	Tự chọn		X,M									X,M							

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần	PLO1		PLO2				PLO3		PLO4			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8	
							1.1	1.2	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	
		<i>đạo và quản lý</i>																							
24	1130404	<i>Công vụ và quản lý thực thi công vụ</i>	Kỳ 3	Cơ sở ngành	2	Tự chọn		X,M											X,L						
25	1130405	<i>Chính phủ điện tử và chính phủ số</i>	Kỳ 3	Cơ sở ngành	2	Tự chọn		X,M									X,M								
26	1130403	<i>Quản lý công</i>	Kỳ 3	Cơ sở ngành	2	Tự chọn		X,M										X,L							
27□	1130302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Kỳ 4	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc		X,M				Y,L													
28□	1130400	Nhân sự hành chính nhà nước	Kỳ 4	Ngành, Chuyên ngành	3	Bắt buộc		X,M												X,H A	X,M				
29□	1130420	Phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính	Kỳ 4	Kiến thức bổ trợ	3	Bắt buộc							X,L					X,M					X,L		
30□	1130308	Quản lý và phát triển tổ chức hành chính nhà nước	Kỳ 4	Ngành, Chuyên ngành	2	Bắt buộc		X,M													X,M				
31□	1130406	Quản lý nhà nước về kinh tế	Kỳ 4	Ngành, Chuyên ngành	3	Bắt buộc					X,H A		Y,M												
32□	1130398	Thế chế chính trị thế giới đương đại	Kỳ 4	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc		X,M														Y,L			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần	PLO1		PLO2				PLO3		PLO4			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8	
							1.1	1.2	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	
33□	11130397	Luật Dân sự Việt Nam	Kỳ 4	Cơ sở ngành	2	Bắt buộc		X,M																Y,M	
34□	11130097	Thực tế chuyên môn	Kỳ 4	Thực tập nghề nghiệp	1	Bắt buộc			X,M						X,L					X,L					
35□	11130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kỳ 5	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc		X,M																Y,M	
36□	11130393	Phát triển nghề nghiệp và đổi mới sáng tạo trong khu vực công	Kỳ 5	Giáo dục đại cương	2	Bắt buộc														X,M	X,H		X,M		
37□	11130422	Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính	Kỳ 5	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc									X,H A		X,M			Y,M					
38□	11130017	Hành chính học so sánh	Kỳ 5	Ngành, Chuyên ngành	2	Bắt buộc		X,M														X,H			
39□	11130407	Quản lý nhà nước về đô thị	Kỳ 5	Ngành, Chuyên ngành	2	Bắt buộc					X,H		Y,M										X,L		
40□	11130421	Hoạch định và phân tích chính sách công	Kỳ 5	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc							X,H									X,H			
41□	11130408	Quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn	Kỳ 5	Ngành, Chuyên ngành	2	Bắt buộc					X,H		Y,M												
42□	11130401	Đạo đức công vụ	Kỳ 5	Ngành, Chuyên ngành	2	Bắt buộc				X,M					X,M					X,M				X,M A	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần	PLO1		PLO2				PLO3		PLO4			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8	
							1.1	1.2	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	
43□	1130415	Quản lý sự thay đổi	Kỳ 5	Ngành, Chuyên ngành	2	Lựa chọn				X,M											X,M				
44□	1130416	Quản lý, phát triển địa phương	Kỳ 5	Ngành, Chuyên ngành	2	Lựa chọn				X,M										X,M					
45□	1130417	Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ	Kỳ 5	Ngành, Chuyên ngành	2	Lựa chọn				X,M										X,M					
46□	1130418	Quản lý chất lượng trong khu vực công	Kỳ 5	Ngành, Chuyên ngành	2	Lựa chọn				X,M										X,M					
47□	1130191	Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội	Kỳ 6	Ngành, Chuyên ngành	2	Bắt buộc					X,H		Y,M											Y,M	
48□	1130412	Quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng	Kỳ 6	Ngành, Chuyên ngành	2	Bắt buộc					X,H A		Y,M												
49□	1130413	Quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo	Kỳ 6	Ngành, Chuyên ngành	2	Bắt buộc					X,H		Y,M												
50□	1130410	Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ	Kỳ 6	Ngành, Chuyên ngành	2	Bắt buộc					X,H		Y,M												
51□	1130409	Quản lý nhà nước về tài chính công và	Kỳ 6	Ngành, Chuyên ngành	2	Bắt buộc					X,H		Y,M												

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần	PLO1		PLO2				PLO3		PLO4			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8	
							1.1	1.2	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	
		công sản																							
52□	1130423	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	Kỳ 6	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc												Y,M	X,M				X,L		
53□	1130425	Tiếng Anh chuyên ngành	Kỳ 6	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc										X,L			Y,M						
54□	1130411	Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường	Kỳ 6	Ngành, Chuyên ngành	2	Bắt buộc				X,H			Y,M												
55□	1130424	Kỹ năng viết báo cáo	Kỳ 6	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc								X,H		X,H				X,M					
56□	1130414	Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực xã hội	Kỳ 7	Ngành, Chuyên ngành	3	Bắt buộc					X,H	X,L											X,L		
57□	1130081	Quản lý nhà nước về đối ngoại	Kỳ 7	Ngành, Chuyên ngành	2	Bắt buộc					X,H	X,L										X,H			
58□	1130333	Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam	Kỳ 7	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc		X,M																X,H	
59□	1130429	Kỹ năng quản trị công sở	Kỳ 7	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc												X,H	X,M	Y,M					
50□	1130426	Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	Kỳ 7	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc			X,H								X,L							X,H	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần	PLO1		PLO2			PLO3		PLO4			PLO5		PLO6		PLO7		PLO8	
							1.1	1.2	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2
61□	1130428	Nghệp vụ công tác văn thư, lưu trữ	Kỳ 7	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc											X,M	Y,M						
62□	1130427	Kỹ năng làm việc nhóm	Kỳ 7	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc								X,M	X,M	X,H			X,M					
63□	1130430	Kỹ năng quản lý thời gian	Kỳ 7	Kiến thức bổ trợ	2	Bắt buộc								X,M	X,M	X,M				X,M A				
64	1130210	Thực tập tốt nghiệp	Kỳ 8	Tốt nghiệp	5	Bắt buộc		X,H			X,H		X,H						X,H				X,H	
65	1130210	Khóa luận tốt nghiệp	Kỳ 8	Tốt nghiệp	6	Bắt buộc		X,H A			X,H A		X,H A				X,H A	X,H A		X,H A	X,H A		X,H A	
66	1130431	Cải cách hành chính	Kỳ 8	Tốt nghiệp	2	Bắt buộc					X,H A	X,M									X,H A	X,H A	X,H A	
67	1130432	Chuyển đổi số trong khu vực công	Kỳ 8	Tốt nghiệp	2	Bắt buộc											X,M A				X,H A	X,H A	X,H A	
68	1130433	Quản trị an ninh phi truyền thống	Kỳ 8	Tốt nghiệp	2	Bắt buộc					X,H A						X,H A						X,H A	

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [1130299], [Triết học Mác - Lênin], [3 tín chỉ]

Là một trong những môn học bắt buộc trong chương trình bậc đại học được dạy vào học kỳ 1 của chương trình đào tạo, góp phần cung cấp thế giới quan và phương pháp luận khoa học để học tập các học phần tiếp theo cũng như định hướng cho hoạt động thực tiễn. Khái quát hóa những vấn đề lý luận chung về triết học và triết học Mác – Lênin như giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành và phát triển; những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là trang bị kiến thức về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được chủ nghĩa duy vật biện chứng vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2.6.2. [1130300], [Kinh tế chính trị Mác - Lênin], [2 tín chỉ]

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 bàn về những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.6.3. [1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [2 tín chỉ]

Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học bắt buộc thuộc thành phần giáo dục đại cương, được giảng dạy ở học kỳ 3 trong Chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm 7 chương, trang bị những kiến thức chính trị - xã hội cơ bản cho người học như sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình... trong TKQĐ lên CNXH.

2.6.4. [1130302], [Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam], [2 tín chỉ]

Học phần thuộc học kỳ 4, là học phần bắt buộc trong chương trình học. Học phần góp phần cung cấp các quan điểm chính trị đúng đắn, nắm bắt được đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam cho người học. Nội dung môn học gồm 3 chương, trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến,



hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (Từ năm 1975 đến nay).

2.6.5. [1130091], [Tư tưởng Hồ Chí Minh], [2 tín chỉ]

Học phần thuộc học kỳ 5, là học phần bắt buộc trong chương trình học, thuộc thành phần giáo dục đại cương. Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.6.6. [1130049], [Pháp luật đại cương], [2 tín chỉ]

Học phần được triển khai giảng dạy trong Kỳ 1, đóng vai trò là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, cơ chế điều chỉnh pháp luật, đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của pháp luật từ đó hình thành ý thức và kỹ năng thực hiện pháp luật trong thực tiễn cuộc sống.

2.6.7. [1120172], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá 1], [1 tín chỉ]

Bóng đá là môn thể thao có tác dụng nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí, phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, trong thi đấu giúp tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể. Học phần bóng đá 1 trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản như: các bài tập khởi động, kỹ thuật tăng bóng, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, các bài tập thể lực, và thực hành thi đấu theo điều luật của Bóng đá 5 người.

2.6.8. [1120173], [Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá 2], [1 tín chỉ]

Bóng đá là môn thể thao có tác dụng nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí, phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, trong thi đấu giúp tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể. Học phần bóng đá 2 trang bị cho người học kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao, và thực hành thi đấu theo điều luật của Bóng đá 7 người.

2.6.9. [1120174], [Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá 3], [1 tín chỉ]

Bóng đá là môn thể thao có tác dụng nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí, phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, trong thi đấu giúp tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể. Học phần bóng đá 3 trang bị cho người học kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật ném biên, đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật nhận bóng, ôn tập nâng cao các kỹ thuật tâng bóng, sút bóng, dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 11 người, thực hành thi đấu theo điều luật của Bóng đá 11 người, kiến thức về lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam

2.6.10. [1120175], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền 1], [1 tín chỉ]

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDDT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.11. [1120176], [Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền 2], [1 tín chỉ]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ kỹ thuật bóng chuyền. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay; kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.12. [1120177], [Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền 3], [1 tín chỉ]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ kỹ thuật bóng chuyền. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay; kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.13. [1120178], [Giáo dục thể chất 1 - Bóng rổ 1], [1 tín chỉ]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con

người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.14. [1120179], [Giáo dục thể chất 2 - Bóng rổ 2], [1 tín chỉ]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.15. [1120180], [Giáo dục thể chất 3 - Bóng rổ 3], [1 tín chỉ]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.16. [1120181], [Giáo dục thể chất 1 – Cầu lông 1], [1 tín chỉ]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.17. [1120182], [Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông 2], [1 tín chỉ]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong



môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

- + Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

- + Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội

2.6.18. [1120183], [Giáo dục thể chất 3 – Cầu lông 3], [1 tín chỉ]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

- + Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

- + Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.19. [1120184], [Giáo dục thể chất 1 – Võ cổ truyền Việt Nam 1], [1 tín chỉ]

Học phần thể thao tự chọn theo định hướng (bắt buộc) – Võ cổ truyền Việt Nam 1 này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền thuật nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển vận động, thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

- Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.20. [1120185], [Giáo dục thể chất 2 – Võ cổ truyền Việt Nam 2], [1 tín chỉ]

Học phần thể thao tự chọn theo định hướng (bắt buộc) – Võ cổ truyền Việt Nam 2 này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ nâng cao, thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng thủ cước nhằm hoàn thiện thể chất, phát triển vận động và thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

- Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực vận động và thể lực để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.21. [1120186], [Giáo dục thể chất 3 – Võ cổ truyền Việt Nam 3], [1 tín chỉ]

Học phần thể thao tự chọn theo định hướng (bắt buộc) – Võ cổ truyền Việt Nam 3 này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật nâng cao, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ chính xác, nâng cao, thành thạo. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ, kỹ thuật đối kháng nâng cao, kỹ thuật quyền tay không nâng cao và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng thủ cước nhằm hoàn thiện thể chất, phát triển vận động và thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

- Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực vận động và thể lực để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.22. [1120187], [Giáo dục thể chất 1 - Võ Taekwondo 1], [1 tín chỉ]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đâm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo



- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.23. [1120188], [Giáo dục thể chất 2 - Võ Taekwondo 2], [1 tín chỉ]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.24. [1120189], [Giáo dục thể chất 3 - Võ Taekwondo 3], [1 tín chỉ]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công



- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.25. [1120190], [Giáo dục thể chất 1 - Võ Karatedo 1], [1 tín chỉ]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.26. [1120191], [Giáo dục thể chất 2 - Võ Karatedo 2], [1 tín chỉ]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.27. [1120192], [Giáo dục thể chất 3 - Võ Karatedo 3], [1 tín chỉ]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.28. [1120239], [Giáo dục thể chất 1-Pickle ball 1], [1 tín chỉ]

Pickle ball là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn Pickle ball, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball.

Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.29. [1120240], [Giáo dục thể chất 2-Pickle ball 2], [1 tín chỉ]

Pickle ball là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn Pickle ball, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball.

Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.30. [1120241], [Giáo dục thể chất 3-Pickle ball 3], [1 tín chỉ]

Pickle ball là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn Pickle ball, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball.

Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.31. [1120168], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 1], [3 tín chỉ]

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.32. [1120169], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 2], [2 tín chỉ]

Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

2.6.33. [1120170], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 3], [2 tín chỉ]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.

2.6.34. [1120171], [Giáo dục quốc phòng-An ninh 4], [2 tín chỉ]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

2.6.35. [1090061], [Tiếng Anh 1], [3 tín chỉ]

Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ và được giảng dạy ở học kỳ 1 của năm thứ nhất. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những khía cạnh văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão; ở nhà và xa nhà. Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp và văn hóa đã học vào thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở cấp độ tiền trung cấp. Học phần có quan hệ hỗ trợ với học phần Tiếng Anh chuyên ngành.

2.6.36. [1090166], [Tiếng Anh 2], [4 tín chỉ]

Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ và được giảng dạy ở học kỳ hai, năm thứ nhất. Học phần trang bị thêm

cho sinh viên những kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp đã học trong học phần Tiếng Anh 1 và những khía cạnh văn hóa Anh về các chủ đề hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí và thử thách. Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức ngữ pháp và văn hóa Anh đã học vào thực hành nghe, nói, đọc và viết ở cấp độ tiền trung cấp. Học phần có quan hệ bổ trợ với học phần Tiếng Anh chuyên ngành.

2.6.37. [1130392], [Văn hóa và kỹ năng giao tiếp hành chính], [2 tín chỉ]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 1 năm thứ hai, thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về văn hóa và kỹ năng giao tiếp hành chính, từ đó góp phần hình thành, phát triển văn hoá và kỹ năng giao tiếp hành chính trong cơ quan. Học phần còn trang bị cho người học những kỹ năng giao tiếp, từ đó đưa ra các giải pháp phát triển văn hoá công sở; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nền hành chính nhà nước.

2.6.38. [1130393], [Phát triển nghề nghiệp và đổi mới sáng tạo trong khu vực công], [2 tín chỉ]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 5, thuộc khối kiến thức đại cương, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức quan trọng về phát triển nghề nghiệp và đổi mới sáng tạo trong khu vực công. Với kiến thức có được, người học sẽ có cơ hội đảm nhiệm các công việc liên quan sau khi tốt nghiệp.

2.6.39. [2030412], [Tâm lý học đại cương], [2 tín chỉ]

Học phần Tâm lý học đại cương là học phần nằm trong phần kiến thức cơ sở ngành và khối ngành thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về khoa học tâm lý, có thái độ đúng đắn trong việc nhìn nhận và đánh giá con người, đồng thời hình thành cho sinh viên kỹ năng nhận biết, xử lý các vấn đề có liên quan đến tâm lý con người. Học phần là cơ sở để sinh viên tiếp tục nghiên cứu và học tập các học phần khác có liên quan đến con người trong chương trình đào tạo. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của cuộc sống thực tiễn và công việc trong tương lai.

2.6.40. [2010167], [Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng Việt thực hành], [2 tín chỉ]

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về ngôn ngữ học và đặc điểm cấu trúc, chức năng của tiếng Việt, giúp người học phát triển tư duy ngôn ngữ học và năng lực sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, mạch lạc, hiệu quả. Thông qua việc phân tích ngôn ngữ từ lý thuyết đến thực tiễn, người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp nói và viết, phối hợp và tổ

□

chức hoạt động nhóm, cũng như chủ động tìm kiếm, lựa chọn và tổng hợp thông tin ngôn ngữ từ nhiều nguồn. Học phần hướng đến ứng dụng vào soạn thảo văn bản hành chính – chuyên môn và giao tiếp trong môi trường nghề nghiệp, góp phần nâng cao ý thức giữ gìn tiếng Việt và trân trọng di sản ngôn ngữ.

2.6.41. [1050241], [Tin học cơ sở], [3 tín chỉ]

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của ngành học, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.

2.6.42. [2030411], [Xã hội học trong quản lý], [2 tín chỉ]

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết như khái niệm Xã hội học; xã hội học trong quản lý; đối tượng, chức năng, lịch sử ra đời của xã hội học trong quản lý; một số các khái niệm cơ bản của xã hội học; các khái niệm có liên quan; Xã hội học trong quản lý đô thị; Một số phương pháp điều tra xã hội học trong quản lý... Thông qua học phần này, người học có được một cách nhìn thấu đáo về các vấn đề của xã hội. Qua đó, người học được nâng cao kiến thức vừa có các kỹ năng điều tra xã hội học trong quản lý, hiểu được cách thức giải quyết các vấn đề trong quản lý xã hội.

2.6.43. [1130367], [Nhập môn phát triển bền vững], [2 tín chỉ]

Học phần Nhập môn phát triển bền vững là môn học bắt buộc thuộc thành phần giáo dục đại cương, được giảng dạy ở học kỳ 2 trong Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước hệ đại học chính quy. Học phần bao gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phát triển bền vững, bao gồm khái niệm, nguyên tắc, các trụ cột (kinh tế, xã hội, môi trường), và các công cụ đánh giá. Đặc biệt, học phần nhấn mạnh vai trò của nhà nước và chính sách công trong việc thúc đẩy phát triển bền vững tại Việt Nam.

2.6.44. [1130369], [Khoa học quản lý], [2 tín chỉ]

Khoa học quản lý là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, thuộc thành phần học tập cơ sở ngành, được giảng dạy vào học kỳ 2 năm thứ 1. Học phần *Khoa học quản lý* cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về bản chất, đối tượng, phương pháp và vai trò của quản lý trong đời sống xã hội. Nội dung học phần bao gồm các tư tưởng quản lý qua các thời kỳ lịch sử, chức năng và nguyên tắc quản lý, mục tiêu – động lực – phương pháp – công cụ quản lý, cùng với các vấn đề về cơ cấu tổ chức, thông tin, ra quyết định, lao động quản lý và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý. Học phần



giúp người học vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản lý trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội và đổi mới ở Việt Nam.

2.6.45. [1130033], [Logic học], [2 tín chỉ]

Học phần này là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chính quy ở bậc đại học, được dạy ở học kỳ 2 của năm thứ nhất, nội dung tập trung trong 6 chương, cung cấp một số kiến thức cơ bản về những quy luật và những thao tác của tư duy, là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt chẽ, biết phát hiện những đúng, sai, ngụy biện ... trong lập luận của người khác. Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành.

2.6.46. [1130026], [Lịch sử hành chính nhà nước], [2 tín chỉ]

Học phần Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc thành phần học tập cơ sở ngành, được giảng dạy ở học kỳ 2 trong Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước hệ đại học chính quy. Nội dung học phần được tổ chức thành tám chương, cung cấp cho người học những tri thức nền tảng về quá trình hình thành, phát triển và thay đổi của bộ máy hành chính nhà nước Việt Nam từ giai đoạn nhà nước sơ khai Văn Lang - Âu Lạc, thời kỳ Bắc thuộc, các triều đại phong kiến độc lập, thời kỳ Pháp thuộc, đến giai đoạn hiện đại từ năm 1945 đến nay.

2.6.47. [1130368], [Lý luận nhà nước và pháp luật], [2 tín chỉ]

Học phần Lý luận nhà nước và pháp luật được triển khai giảng dạy trong Kỳ 2, thuộc thành phần học tập cơ sở ngành, đóng vai trò là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nền tảng nhà nước và pháp luật theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, lý giải các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước và pháp luật; cơ chế điều chỉnh của pháp luật. Những kiến thức được cung cấp trong học phần là cơ sở để sinh viên nghiên cứu chuyên sâu về chuyên đề cụ thể ở các học phần bắt buộc và tự chọn tiếp theo.

2.6.48. [1130021], [Kinh tế học], [2 tín chỉ]

Môn Kinh tế học là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy ở học kỳ 2 trong chương trình đào tạo. Học phần có nội dung gồm 9 chương, trang bị cho người học những nội dung cơ bản của kinh tế học vi mô như: lý thuyết lựa chọn kinh tế tối ưu, cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ, lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp; vai trò của Chính phủ trong điều tiết kinh tế; và những nội dung cơ bản của kinh tế học vĩ mô như: tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế và mục tiêu, chính sách kinh tế vĩ mô; đo lường sản lượng quốc gia (GDP); các phạm trù thất nghiệp, lạm phát và mối quan hệ của chúng;...

2.6.49. [1130394], [Luật Hiến pháp Việt Nam], [2 tín chỉ]

Học phần Luật Hiến pháp Việt Nam là học phần thuộc thành phần cơ sở ngành, được giảng dạy ở học kỳ 3 năm thứ hai. Học phần này góp phần hỗ trợ cho những học phần thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ; quy định của Hiến pháp Việt Nam hiện hành về các vấn đề như chế độ chính trị, quyền con người, quyền công dân, các cơ quan trong bộ máy nhà nước... Từ đó trang bị các kiến thức nền tảng giúp cho người học lĩnh hội được các môn học chuyên ngành khác.

2.6.50. [1130395], [Chính trị học], [2 tín chỉ]

Học phần Chính trị học là môn học bắt buộc thuộc thành phần giáo dục đại cương, được giảng dạy ở học kỳ 3, năm thứ 2 trong Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước hệ đại học chính quy. Học phần bao gồm 8 chương, cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản của chính trị học: quyền lực và quyền lực chính trị; hệ thống chính trị; đảng chính trị; nhà nước; các tổ chức chính trị - xã hội; văn hóa chính trị; con người chính trị.

2.6.51. [1130396], [Luật Hành chính Việt Nam], [3 tín chỉ]

Học phần Luật Hành chính Việt Nam thuộc thành phần học tập cơ sở ngành, được triển khai giảng dạy trong Kỳ 3, đóng vai trò là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ quan hành chính nhà nước; cán bộ, công chức, viên chức; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về quy chế pháp lý của các tổ chức xã hội, công dân và người nước ngoài; thủ tục hành chính; vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của cơ quan hành chính, cán bộ, công chức, viên chức với hoạt động quản lý hành chính nhà nước, đặc biệt là xử lý vi phạm hành chính và phòng, chống tham nhũng, từ đó hình thành ý thức và kỹ năng thực hiện pháp luật trong thực tiễn cuộc sống.

2.6.52. [1130397], [Luật Dân sự Việt Nam], [2 tín chỉ]

Học phần Luật Dân sự Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước. Nội dung của học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về luật dân sự, chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện, tài sản, quyền sở hữu và thừa kế.

2.6.53. [1130398], [Thế chế chính trị thế giới đương đại], [2 tín chỉ]

Học phần "Thế chế chính trị thế giới đương đại" là học phần bắt buộc thuộc thành phần cơ sở ngành, được giảng dạy ở học kỳ 4 trong chương trình đào tạo ngành Quản lý

nhà nước. Nội dung học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề lý luận chung liên quan đến thể chế chính trị, cũng như các hình thức thể chế chính trị hiện nay trên thế giới. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về thể chế chính trị của một số quốc gia tiêu biểu như Vương quốc Anh, Hoa Kỳ, Pháp, và Đức, cùng với những ưu điểm và hạn chế của từng hình thức thể chế này.

2.6.54. [1130399], [Lý luận hành chính nhà nước], [3 tín chỉ]

Học phần Lý luận hành chính nhà nước là học phần bắt buộc thuộc thành phần học tập chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 3 trong Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước hệ đại học chính quy. Học phần gồm bảy chương, cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng về hành chính nhà nước, bao gồm: tổng quan về hành chính nhà nước; các lý thuyết và mô hình hành chính; nền hành chính nhà nước; chức năng, hình thức và phương pháp thực hiện hành chính; quy trình ra quyết định hành chính; cơ chế kiểm soát đối với hoạt động hành chính; và các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hành chính nhà nước.

2.6.55. [1130400], [Nhân sự hành chính nhà nước], [3 tín chỉ]

Nhân sự hành chính nhà nước là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở kỳ 4 của chương trình đào tạo. Nhân sự hành chính nhà nước - nguồn nhân lực trong khu vực công là nhân tố đóng vai trò quyết định chất lượng hoạt động quản lý hành chính nhà nước, do đó, quản lý nhân sự hành chính nhà nước sao cho hiệu quả là việc hết sức quan trọng. Học phần này mang lại cái nhìn tổng thể về người lao động làm việc cho cơ quan hành chính nhà nước, các yếu tố môi trường tác động đến sự phát triển đội ngũ, các mô hình quản lý, quy trình, chức năng cụ thể của quản lý nhân sự hành chính nhà nước. Từ đó, chúng ta có nhận thức đúng đắn về vai trò của đội ngũ nhân sự này và có ý thức ủng hộ quá trình cải cách hành chính để xây dựng thành công đội ngũ cán bộ, công chức phục vụ nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hành chính nhà nước.

2.6.56. [1130308], [Quản lý và phát triển tổ chức HCNN], [2 tín chỉ]

Học phần *Quản lý và phát triển tổ chức hành chính nhà nước* là học phần bắt buộc thuộc thành phần học tập chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 4 trong Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước hệ đại học chính quy. Học phần gồm bảy chương, trang bị cho người học hệ thống kiến thức lý luận nền tảng về tổ chức và tổ chức hành chính nhà nước, đồng thời cung cấp nội dung chuyên sâu liên quan đến cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở trung ương và địa phương; các nguyên tắc và phương pháp thiết kế tổ chức; đánh giá hiệu quả hoạt động tổ chức hành chính; cũng như các định hướng phát triển tổ chức hành chính trong bối cảnh đổi mới quản lý công.

2.6.57. [1130017], [Hành chính học so sánh], [2 tín chỉ]

Hành chính học so sánh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 5 của chương trình đào tạo. Là một bộ phận của hành chính học, hành chính học so sánh nghiên cứu các mô hình quản lý nhà nước, đặc điểm, môi trường phát triển và những bộ phận cấu thành của các nền hành chính khác nhau, nhằm tìm kiếm các quy luật vận động chung cũng như các điểm khác biệt giữa chúng. Kết quả nghiên cứu hành chính học so sánh tạo ra cơ hội đưa ra những khái quát chung về lý thuyết của khoa học quản lý nhà nước, đồng thời, cho phép rút ra các bài học kinh nghiệm có thể vận dụng vào thực tiễn hoạt động và xây dựng nền hành chính nhà nước của mỗi quốc gia. Từ đó, người học có thể so sánh để phân tích, đánh giá, đúc rút được các yếu tố tiến bộ cần vận dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý hành chính nhà nước của Việt Nam.

2.6.58. [1130401], [Đạo đức công vụ], [2 tín chỉ]

Đạo đức công vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý nhà nước, được giảng dạy tại học kỳ 5 với 2 tín chỉ. Học phần bao gồm 04 chương, được thiết kế nhằm cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng về đạo đức công vụ. Học phần sử dụng phương pháp giảng dạy tích hợp giữa lý thuyết, phân tích tình huống thực tiễn, thảo luận; giúp người học phát triển tư duy, hình thành kỹ năng và xây dựng thái độ chuyên nghiệp, trung thực, áp dụng hiệu quả kiến thức vào thực tiễn hoạt động công vụ.

2.6.59. [1130402], [Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý], [2 tín chỉ]

Học phần Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý là học phần tự chọn theo định hướng thuộc thành phần học tập cơ sở ngành, được giảng dạy ở học kỳ 3 trong Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước hệ đại học chính quy. Nội dung học phần gồm 4 chương: Khái quát những vấn đề lý luận chung về thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý; hoạt động thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý; hệ thống thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý và đảm bảo thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý.

2.6.60. [1130403], [Quản lý công], [2 tín chỉ]

Quản lý công là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý nhà nước, được giảng dạy tại học kỳ 3 với 2 tín chỉ. Học phần gồm 04 chương, nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về quản lý công: Tổng quan quản lý công; chức năng, phương pháp và công cụ quản lý công; nhà quản lý công; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý công. Học phần sử dụng phương pháp giảng dạy tích hợp giữa lý thuyết và phân tích thực tiễn, thảo luận, giúp người học phát triển tư duy phân tích, hình thành kỹ năng và năng lực chuyên môn.

2.6.61. [1130404], [Công vụ và quản lý thực thi công vụ], [2 tín chỉ]

Công vụ và quản lý thực thi công vụ là học phần cơ sở ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ 3 của chương trình đào tạo. Hiện nay, thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức và hoạt động thực thi công vụ là một quá trình tất yếu, thể hiện nhu cầu nội tại của nền công vụ trong quá trình thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Hiện nay, việc cải cách chế độ công vụ, công chức đã trở thành xu hướng ở hầu hết các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Học phần công vụ và quản lý thực thi công vụ sẽ cung cấp những hiểu biết cơ bản nhất về mô hình tổ chức, cách thức vận hành cũng như phương hướng hoàn thiện nền công vụ Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới trong thực tiễn quản lý nhà nước.

2.6.62. [1130405], [Chính phủ điện tử và chính phủ số], [2 tín chỉ]

Chính phủ điện tử và chính phủ số là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, thuộc thành phần học tập cơ sở ngành, được giảng dạy vào học kỳ 3 năm thứ 2. Học phần cung cấp kiến thức tổng quan và chuyên sâu về chính phủ điện tử và chính phủ số trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, đặc biệt gắn với lĩnh vực quản lý nhà nước. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, các giai đoạn phát triển, mô hình tổ chức, lợi ích và những thách thức trong triển khai chính phủ điện tử và chính phủ số. Sinh viên được trang bị kiến thức về các yếu tố công nghệ, kiến trúc hệ thống, mức độ sẵn sàng và ứng dụng thực tiễn ở cấp quốc tế, quốc gia và địa phương. Học phần cũng đi sâu vào các khía cạnh xã hội, văn hóa, đạo đức và pháp lý liên quan như khoảng cách số, dân chủ điện tử, quyền riêng tư và đạo đức trong môi trường số. Đặc biệt, học phần phân tích thực trạng và chiến lược phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số tại Việt Nam giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030. Qua đó, sinh viên ngành Quản lý nhà nước sẽ nắm vững cơ sở lý luận và thực tiễn để tham gia vào công tác xây dựng, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.6.63. [1130406], [Quản lý nhà nước về kinh tế], [3 tín chỉ]

Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế là học phần bắt buộc, thuộc thành phần học tập chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 4 trong chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm 7 chương, trang bị những kiến thức về lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập như những vấn đề chung của quản lý nhà nước về kinh tế; chức năng nguyên tắc, phương pháp, công cụ quản lý nhà nước về kinh tế; thông tin và quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế; bộ máy quản lý, công chức quản lý nhà nước về kinh tế; quản lý nhà nước về kinh tế trong bối cảnh mới.

2.6.64. [1130407], [Quản lý nhà nước về đô thị], [2 tín chỉ]

Quản lý nhà nước về đô thị là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, thuộc thành phần học tập chuyên ngành, được giảng dạy vào học kỳ 5, năm thứ 3. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về đô thị và quá trình đô thị hóa, cấu trúc không gian và xã hội đô thị, cũng như lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước trong lĩnh vực đô thị. Nội dung bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản, định hướng phát triển đô thị Việt Nam, các lĩnh vực quản lý nhà nước quan trọng như quy hoạch, đất đai, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và hạ tầng xã hội đô thị. Qua đó, học viên có thể nắm bắt được vai trò, nguyên tắc và công cụ trong quản lý đô thị, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hiện đại hóa đô thị tại Việt Nam.

2.6.65. [1130408], [Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn], [2 tín chỉ]

Quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn là một trong những môn học nghiên cứu về sự quản lý của nhà nước đối với ngành, lĩnh vực cụ thể trong nền kinh tế nội dung chương trình môn học được cấu trúc 5 chương, trong đó chương 1 đề cập đến vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, nông thôn và quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Chương 2 khái quát quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam và một số chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Chương 3 đề cập đến quản lý nhà nước về nông nghiệp, phát triển nông thôn; chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, cơ cấu kinh tế nông thôn; đổi mới hoạt động các thành phần kinh tế ở nông thôn; phát triển kinh tế trang trại và công nghiệp dịch vụ ở nông thôn. Chương 4 đề cập đến quản lý nhà nước về quy hoạch các điểm dân cư nông thôn. Chương 5 đề cập đến khái niệm, vai trò của kết cấu hạ tầng nông thôn và quản lý nhà nước về xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

2.6.66. [1130409], [Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản], [2 tín chỉ]

Học phần đi sâu vào nghiên cứu quản lý nhà nước ở một lĩnh vực cụ thể đó là quản lý tài chính công và công sản. Học phần bao gồm tất cả 5 chương trong đó 4 chương đầu nghiên cứu QLNN về tài chính công và chương cuối cùng nghiên cứu nội dung QLNN về công sản. Cụ thể; Chương 1: Những lý luận cơ bản về tài chính công và quản lý nhà nước về tài chính công; Chương 2: Những vấn đề chung về ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về ngân sách nhà nước; Chương 3: Nghiên cứu quản lý nhà nước về tín dụng nhà nước; Chương 4: Nghiên cứu quản lý nhà nước về các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước; Chương 5: Nghiên cứu quản lý nhà nước về tài sản công.

2.6.67. [1130410], [Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ], [2 tín chỉ]

Học phần Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là học phần bắt buộc thuộc thành phần học tập chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 6 trong Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước hệ đại học chính quy. Học phần được chia thành hai phần nội dung lớn: Phần I cung cấp kiến thức nền tảng và chuyên sâu về hệ thống giáo dục và đào tạo ở Việt Nam, bao gồm tổng quan về giáo dục và đào tạo, các vấn đề chung và nội dung cụ thể trong quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; Phần II tập trung vào các khía cạnh lý luận và thực tiễn của khoa học và công nghệ, như khái quát về lĩnh vực khoa học và công nghệ, cơ sở lý luận về quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và nội dung cụ thể của hoạt động quản lý khoa học và công nghệ.

2.6.68. [1130411], [Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường], [2 tín chỉ]

Học phần Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường là học phần bắt buộc thuộc thành phần học tập chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 6 trong Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước hệ đại học chính quy. Học phần trang bị cho người học kiến thức nền tảng và hệ thống về nguyên lý, công cụ và thực tiễn quản lý tài nguyên và môi trường trong bối cảnh phát triển bền vững. Nội dung bao gồm quản lý nhà nước, quản lý môi trường doanh nghiệp, quản lý dựa vào cộng đồng, và quản lý các lĩnh vực chuyên biệt như không khí, nước, rừng, chất thải rắn, công nghiệp và nông nghiệp.

2.6.69. [1130412], [Quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng], [2 tín chỉ]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 6, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Đây là học phần bắt buộc đối với hệ cử nhân quản lý nhà nước. Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về an ninh, quốc phòng; quan điểm và đường lối của Đảng và Nhà nước về an ninh, quốc phòng; các nội dung quản lý nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và các nội dung quản lý nhà nước về quốc phòng. Với kiến thức có được, người học sẽ có cơ hội đảm nhiệm các công việc quản lý về an ninh, quốc phòng sau khi ra trường.

2.6.70. [1130413], [Quản lý nhà nước về dân tộc - tôn giáo], [2 tín chỉ]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 6, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo, học phần gồm 06 chương. Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo; quan điểm và đường lối của Đảng và Nhà nước về dân tộc, tôn giáo; các nội dung quản lý nhà nước về dân tộc và các nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo. Với kiến thức và kỹ năng có được, người học sẽ có cơ hội đảm nhiệm các công việc quản lý về dân tộc, tôn giáo sau khi ra trường.

2.6.71. [1130191], [Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội], [2 tín chỉ]

Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 6 của chương trình đào tạo. Hiện nay, hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội có vai trò quan trọng xuất phát từ thực trạng quản lý

phức tạp với nhiều biến động khi xã hội là một trong ba trụ cột chính của sự phát triển bền vững bên cạnh kinh tế và môi trường. Học phần Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội cung cấp những kiến thức tổng thể về văn hóa, xã hội, quản lý nhà nước về văn hóa và các lĩnh vực xã hội như giáo dục, y tế, an ninh quốc phòng, lao động, việc làm, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường ..., từ đó, có thể đúc rút được các nội dung tiến bộ cần vận dụng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

2.6.72. [1130414], [Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực xã hội], [tín chỉ]

Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực xã hội là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy trong học kỳ 7 của chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức phổ quát nhất về dân số, nguồn nhân lực xã hội nói chung; đặc điểm, vai trò quan trọng, thực trạng và yêu cầu đặt ra đối với nguồn nhân lực xã hội Việt Nam trong thời kỳ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; làm rõ chủ trương, chế độ, các chính sách quản lý nhà nước hiện hành về dân số, lao động việc làm, y tế, giáo dục, ... liên quan trực tiếp đến xây dựng, phát triển nguồn nhân lực xã hội.

2.6.73. [1130081], [Quản lý nhà nước về đối ngoại], [2 tín chỉ]

Quản lý nhà nước về đối ngoại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý nhà nước, được giảng dạy tại học kỳ 7 với 2 tín chỉ. Học phần bao gồm 04 chương, được thiết kế nhằm cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đối ngoại: Tổng quan về hoạt động đối ngoại; Những vấn đề chung quản lý nhà nước về đối ngoại; Nội dung quản lý nhà nước về đối ngoại; Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đối ngoại.

2.5.74. [1130415], [Quản lý sự thay đổi], [2 tín chỉ]

Quản lý sự thay đổi là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 5 của chương trình đào tạo. Học phần sẽ cung cấp những hiểu biết cơ bản nhất về lý thuyết sự thay đổi trong vận hành tổ chức nói chung và tổ chức hành chính nhà nước nói riêng; phân tích các mô hình, cách thức lãnh đạo, quản lý sự thay đổi để khuyến nghị phương thức đảm bảo tính linh hoạt của quản lý tổ chức, hướng đến hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, hiệu năng của nền hành chính nhà nước Việt Nam. Bên cạnh đó, tăng cường nhận thức và rèn luyện tư duy linh hoạt, thích ứng của người học trong môi trường thay đổi.

2.6.75. [1130416], [Quản lý phát triển địa phương, [2 tín chỉ]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 5, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo. Học phần này nhằm cung cấp cho

□

người học những kiến thức quan trọng về quản lý phát triển địa phương như mô hình hóa kinh tế địa phương, tăng trưởng kinh tế địa phương, quan hệ kinh tế giữa các địa phương, hoạch định chiến lược phát triển tổng thể kinh tế - xã hội địa phương, marketing địa phương... Với kiến thức có được, người học sẽ có cơ hội đảm nhiệm các công việc liên quan sau khi tốt nghiệp.

2.6.76. [1130417], [Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ], [2 tín chỉ]

Quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý nhà nước, được giảng dạy tại học kỳ 5 với 2 tín chỉ. Học phần bao gồm 03 chương, nhằm cung cấp cho người học kiến thức có hệ thống và chuyên sâu về quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ: về tổ chức phi chính phủ; chính sách, pháp luật của nhà nước về tổ chức phi chính phủ; các nội dung của quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ. Học phần sử dụng phương pháp giảng dạy tích hợp giữa lý thuyết và phân tích thực tiễn, thảo luận nhóm, giúp người học phát triển tư duy phân tích, hình thành kỹ năng và năng lực chuyên môn.

2.6.77. [1130418], [Quản lý chất lượng trong khu vực công], [2 tín chỉ]

Học phần Quản lý chất lượng trong khu vực công là học phần tự chọn theo định hướng thuộc thành phần học tập chuyên ngành, được giảng dạy ở học kỳ 5 trong Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước hệ đại học chính quy. Học phần trang bị cho người học những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về chất lượng và quản lý chất lượng trong khu vực công, bao gồm: những vấn đề lý luận chung về chất lượng, quản lý chất lượng toàn diện (TQM), hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000, cùng với các công cụ và kỹ thuật quản lý chất lượng có thể vận dụng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

2.6.78. [1130419], [Quan hệ công chúng], [2 tín chỉ]

Quan hệ công chúng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý nhà nước, được giảng dạy tại học kỳ 3 với 2 tín chỉ. Học phần bao gồm 05 chương, nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng: Tổng quan về quan hệ công chúng, quy trình thực hiện quan hệ công chúng, các phương tiện truyền thông trong quan hệ công chúng, quản trị khủng hoảng, quan hệ công chúng của cơ quan quản lý nhà nước. Học phần sử dụng phương pháp giảng dạy tích hợp giữa lý thuyết và phân tích thực tiễn, giúp người học phát triển tư duy phân tích, hình thành kỹ năng và năng lực chuyên môn.

2.6.79. [1130420], [Phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính], [3 tín chỉ]

Học phần được giảng dạy vào học kỳ 4, thuộc khối kiến thức bổ trợ, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính để có thể thực hiện một đề tài khoa học hành chính và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

2.6.80. [1130421], [Hoạch định, phân tích chính sách công], [2 tín chỉ]

Hoạch định và phân tích chính sách công là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, thuộc thành phần học tập bổ trợ, được giảng dạy vào học kỳ 5, năm thứ 3. Đây là học phần thuộc kiến thức đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp của chương trình đào tạo. Môn học cung cấp cho sinh viên một bức tranh bao quát về lĩnh vực chính sách công từ nền tảng lý thuyết về các vấn đề chủ yếu như kỹ thuật xây dựng chính sách, quản lý quá trình thực thi chính sách, phân tích chính sách,... Những nội dung này sẽ được phân tích trong môi trường biến động của kinh tế xã hội trong nước và trên thế giới, các chính sách cụ thể của nhà nước Việt Nam trong bối cảnh hiện nay nhằm giúp sinh viên xây dựng quan điểm phản biện một cách khách quan, đúng đắn về các vấn đề liên quan đến chính sách trong thực tế cuộc sống.

2.6.81. [1130422], [Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính], [2 tín chỉ]

Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính là học phần bắt buộc về đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp thuộc khối kiến thức bổ trợ, được giảng dạy ở học kỳ 5 trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về văn bản hành chính và những kỹ thuật xây dựng, quản lý văn bản hành chính phục vụ quá trình tổ chức, hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên có thêm hiểu biết, có năng lực thực hành các kỹ năng khi tham gia hoạt động thực tiễn tại các cơ quan nhà nước và tại công sở ở khu vực tư.

2.6.82. [1130423], [Kỹ năng thu thập, xử lý thông tin], [2 tín chỉ]

Học phần Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin là học phần bắt buộc thuộc thành phần học tập bổ trợ, được giảng dạy ở học kỳ 6 trong Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước hệ đại học chính quy. Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về xác định nhu cầu, thu thập, xử lý và ứng dụng thông tin trong hoạt động quản lý. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể khai thác, xử lý và sử dụng thông tin hiệu quả nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước.

2.6.83. [1130424], [Kỹ năng viết báo cáo], [2 tín chỉ]

Kỹ năng viết báo cáo là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, thuộc thành phần học tập bổ trợ, được giảng dạy vào học kỳ 6, năm thứ 3. Kỹ năng viết báo cáo là một trong những học phần quan trọng trong hệ thống các học



phần kỹ năng. Thông qua học phần, người học sẽ được tiếp cận và thực hành kỹ năng viết báo cáo. Trên cơ sở đó, người học có thể sử dụng kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng xử lý thông tin trong học tập, nghiên cứu và đáp ứng các yêu cầu của công việc.

2.6.84. [1130425], [Tiếng Anh chuyên ngành], [2 tín chỉ]

Tiếng Anh chuyên ngành là học phần bắt buộc được giảng dạy ở kỳ 6, năm thứ ba. Học phần trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức ở cấp độ tiên trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp đã học trong học phần Tiếng Anh về những lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng pháp luật.

2.6.85. [1130426], [Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo], [2 tín chỉ]

Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý nhà nước, được giảng dạy tại học kỳ 7 với 2 tín chỉ. Học phần bao gồm 05 chương, được thiết kế nhằm cung cấp cho người học hệ thống kiến thức những kiến thức cơ bản về thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Học phần sử dụng phương pháp giảng dạy tích hợp giữa lý thuyết, phân tích tình huống thực tiễn, bài tập, giúp người học phát triển tư duy, hình thành kỹ năng và năng lực chuyên môn để giải những vấn đề cụ thể trong thực tiễn hoạt động thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2.6.86. [1130333], [Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam], [2 tín chỉ]

Học phần "Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam" là học phần bắt buộc thuộc thành phần bổ trợ, được giảng dạy ở học kỳ 7 trong chương trình đào tạo. Học phần nghiên cứu lý luận và thực tiễn chuyên sâu về mô hình nhà nước pháp quyền trong lịch sử tư tưởng nhân loại và ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay; tập trung vào quá trình nhận thức và phát triển tư duy lý luận cũng như thực tiễn xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Trên cơ sở nghiên cứu, vận dụng lý thuyết, tổng kết thực tiễn, học phần xác định những vấn đề đặt ra, quan điểm, phương hướng và hệ thống các nhóm giải pháp nhằm tiếp tục tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong thời gian tới.

2.6.87. [1130427], [Kỹ năng làm việc nhóm], [2 tín chỉ]

Kỹ năng làm việc nhóm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý nhà nước, được giảng dạy tại học kỳ 7 với 2 tín chỉ. Học phần bao gồm 04 chương, cung cấp cho người học hệ thống kiến thức và kỹ năng làm việc nhóm: tổng quan về làm việc nhóm, các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc nhóm, xây dựng văn hóa nhóm, các kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.

2.6.88. [1130428], [Nghệ thuật công tác văn thư, lưu trữ], [2 tín chỉ]

Học phần được triển khai giảng dạy vào học kỳ 7, năm thứ tư, thuộc khối kiến thức bổ trợ, là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Nghiệp vụ văn phòng là học phần bắt buộc đối với hệ cử nhân quản lý nhà nước, học phần gồm 03 chương. Học phần cung cấp cho người học những khâu nghiệp vụ chủ yếu về công tác văn thư và công tác lưu trữ.

2.6.89. [1130429], [Kỹ năng quản trị công sở], [2 tín chỉ]

Kỹ năng quản trị công sở là học phần bắt buộc về đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về quản trị công sở và những kỹ năng quản trị công sở như: kỹ năng thiết kế công việc; kỹ năng phân công và phối hợp công việc; kỹ năng tổ chức và điều hành hội họp; xây dựng văn hoá công sở. Những kiến thức được cung cấp trong học phần sẽ giúp sinh viên có thêm hiểu biết, có năng lực thực hành các kỹ năng khi tham gia hoạt động thực tiễn tại các cơ quan nhà nước và tại công sở ở khu vực tư.

2.6.90. [1130430], [Kỹ năng quản lý thời gian], [2 tín chỉ]

Kỹ năng quản lý thời gian là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, thuộc thành phần học tập bổ trợ, được giảng dạy vào học kỳ 7, năm thứ 4. Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cần thiết để sử dụng thời gian hiệu quả, bao gồm việc xác định mục tiêu, lập kế hoạch, ưu tiên công việc và đánh giá lại tiến trình thực hiện. Nội dung môn học còn đề cập đến các công cụ hỗ trợ quản lý thời gian như lịch công việc, đồ thị thời gian, cùng các kỹ năng bổ trợ như làm việc nhóm, giao tiếp và tổ chức công việc ngăn nắp. Qua đó, người học có thể nâng cao hiệu suất làm việc và phát triển năng lực cá nhân.

2.6.91. [1130097], [Thực tế chuyên môn], [1 tín chỉ]

Học phần Thực tế chuyên môn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Thực tập, thực tế trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước, được triển khai vào học kỳ 4, năm thứ 2. Học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận và tìm hiểu thực tiễn hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý nhà nước, qua đó bước đầu hình thành hiểu biết nghề nghiệp, làm quen với môi trường công vụ và các quy trình hành chính cơ bản. Trong quá trình tham quan, quan sát và tham gia hỗ trợ một số công việc đơn giản tại đơn vị thực tế, sinh viên sẽ phát triển kỹ năng giao tiếp hành chính, làm việc nhóm, thu thập thông tin, năng lực quan sát phân tích thực tiễn và thái độ nghề nghiệp phù hợp làm nền tảng cho các học phần thực tập chuyên sâu ở giai đoạn sau.

2.6.92. [1130210], [Thực tập tốt nghiệp], [5 tín chỉ]

Học phần Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Thực tập, thực tế trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước, được thực hiện vào học kỳ 7, năm thứ 4. Học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức lý thuyết đã học để phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp đối với các vấn đề thực tiễn tại cơ quan, tổ chức hành chính - sự nghiệp nơi thực tập. Thông qua quá trình thực tập, sinh viên phát triển năng lực tư duy hệ thống, kỹ năng số, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, cũng như nâng cao ý thức đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công vụ – nền tảng cần thiết cho người làm công tác quản lý nhà nước trong bối cảnh hiện đại.

2.6.93. [1130090], [Khóa luận tốt nghiệp], [6 tín chỉ]

Học phần Khóa luận tốt nghiệp thuộc khối kiến thức tốt nghiệp trong Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước. Khóa luận tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực tiễn của sinh viên dựa một số tiêu chí chính yếu như mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề trong thực tế; mức độ vững chắc về lý thuyết; khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và học tập. Học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về quản lý nhà nước trong thực tiễn và các kỹ năng như kỹ năng số, khả năng tự học, tự nghiên cứu và thể hiện đạo đức và trách nhiệm của sinh viên sắp tốt nghiệp.

2.6.94. [1130431], [Cải cách hành chính], [2 tín chỉ]

Cải cách hành chính là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức tốt nghiệp trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý nhà nước, được giảng dạy tại học kỳ 8 với 2 tín chỉ. Học phần bao gồm 05 chương, được thiết kế nhằm cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng và chuyên sâu về cải cách hành chính: tổng quan về cải cách hành chính, cải cách hành chính của Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử, kinh nghiệm cải cách hành chính của một số quốc gia, nội dung và quản lý cải cách hành chính.

2.6.95. [1130432], [Chuyển đổi số trong khu vực công], [2 tín chỉ]

Chuyển đổi số trong khu vực công là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước, thuộc thành phần học tập thay thế khóa luận tốt nghiệp, được giảng dạy vào học kỳ 8 năm thứ 4. Học phần "Chuyển đổi số trong khu vực công" cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lý luận, thực tiễn và chính sách liên quan đến quá trình chuyển đổi số trong khu vực công ở Việt Nam và quốc tế. Nội dung học phần bao gồm: cơ sở lý luận về chuyển đổi số và khu vực công, kinh nghiệm quốc tế, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số trong doanh nghiệp, và khuyến nghị chính sách thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Thông qua học phần

□

này, người học có thể hình thành tư duy hệ thống, năng lực phân tích và đề xuất chính sách chuyển đổi số phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

2.6.96. [1130433], [Quản trị an ninh phi truyền thống], [2 tín chỉ]

Học phần Quản trị an ninh phi truyền thống thuộc khối học phần thay thế tốt nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước bậc đại học chính quy, được giảng dạy ở học kỳ 8. Học phần gồm 4 chương, trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các thách thức an ninh phi truyền thống. Trọng tâm của học phần là phân tích vai trò của nhà nước trong thiết kế thể chế, điều phối chính sách và huy động các nguồn lực xã hội nhằm ứng phó hiệu quả với các rủi ro an ninh đa dạng và phức tạp. Học phần đồng thời giúp sinh viên phát triển tư duy quản trị thích ứng và năng lực đánh giá chính sách công trong bối cảnh không chắc chắn và thay đổi nhanh chóng.

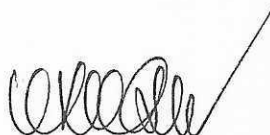
Gia Lai, ngày 22 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Đoàn Thế Hùng

TP. ĐÀO TẠO



TS. Lê Xuân Vinh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn